

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2019/DS-ST**
Ngày 15-11-2019
v/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc;
2. Bà Nguyễn Thị Bình;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2019/TLST- DS, ngày 7/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2019/QĐST-DS ngày 02/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST-DS, ngày 22/10/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân Hàng TMCP X

Địa chỉ: số 109 THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đức Tr- Giám đốc chi nhánh tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hà Duy Th- Giám đốc Phòng giao dịch Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Phạm Thị N, sinh năm 1992. Vắng mặt. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2019, cùng các tài liệu, chứng cứ, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày: Ngày 23/11/2017 vợ chồng bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Tấn T vay của Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất trong hạn 15%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn, tức là 22,5%/năm. Việc trả gốc phân thành 24 kỳ (24 tháng), mỗi kỳ trả 1.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh, trả vào ngày 20 hàng tháng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay bà N, ông T chỉ trả được 19.477.546 đồng tiền gốc và tiền lãi là 4.134.375 đồng. Hiện còn nợ lại tiền gốc là 10.522.454 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chưa trả là 1.178.211 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà N, ông T phải trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân theo thỏa thuận trong hợp đồng.

-Quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Tấn T không tham gia. Qua xác minh, hiện tại bà N và ông T không có mặt tại nơi cư trú, nhưng không thông báo việc thay đổi nơi ở cho nguyên đơn và Tòa án biết.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Phản Thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật khi tiến hành tố tụng. Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo quy định. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rõ ràng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Tấn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt.

[2] Về pháp luật áp dụng: Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X và bà N, ông T được xác lập vào năm 2017, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Tấn T trả nợ vay, nợ lãi là đúng pháp luật. Bởi trong trong hợp đồng vay đã thỏa thuận cụ thể về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, phương thức trả nợ là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên sau khi vay bà N, ông T không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi đúng theo thỏa thuận, đã vi phạm việc trả nợ theo kỳ. Do đó, buộc bà N và ông T trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả cho Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu bà N, ông T phải trả số nợ gốc 10.522.454 đồng, nợ lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 1.178.211 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng là phù hợp nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; phù hợp với đoạn 10 trong phần nhận định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao của Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công

bố theo Quyết định số 689/QĐ- CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể: “kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà N, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm Phán phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ- CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Tấn T phải trả cho Ngân hàng TMCP X (Phòng giao dịch Đ) số tiền là 11.700.000 đồng đồng, trong đó nợ gốc 10.522.000 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.178.000 đồng. Tiếp tục trả lãi quá hạn 22,5%/năm từ ngày kể tiếp ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/11/2019) cho đến khi trả xong số nợ gốc 10.522.000 đồng, trả lãi phạt bằng 10%/năm tính trên số nợ lãi trong hạn chưa trả (478.000 đồng), tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn cho Ngân hàng CPTM X.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Tấn T phải chịu 585.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng CPTM X (Phòng giao dịch Đ)

300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025559 ngày 7/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 15/11/2019; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái